

Quyết định số: 11/2025/DS-GĐT
Ngày 16 tháng 01 năm 2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân;

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa;

Bà Phạm Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tào Văn Hiến, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngát - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P. Trụ sở chính: Số * đường DL, phường BN, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung H và bà Trương Thị Lan A. Địa chỉ: Số * đường PT, Khóm *, Phường *, thành phố LB, tỉnh LB.

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1965 và bà Phan Thị Tuyết M, sinh năm 1965. Cùng địa chỉ: Số * đường NL, Khóm *, Phường *, thành phố MC, tỉnh MC.

Người đại diện hợp pháp của bà Phan Thị Tuyết M: Ông Phan Toàn Q, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số * đường NL, Khóm *, Phường *, thành phố MC, tỉnh MC.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Hoàng X, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số * Ấp 8, xã VT, thành phố MC, tỉnh MC.

3.2. Ông Phan Toàn Q, sinh năm 1987 và bà Đỗ Kim Y, sinh năm 1992. Cùng địa chỉ: Số * đường NL, Khóm *, Phường *, thành phố MC, tỉnh MC.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/01/2012, ông Phan Thanh T và bà Phan Thị Tuyết M ký hợp đồng tín dụng số 048.12.029/2012/HĐTD-CN với Ngân hàng TMCP P chi nhánh LB (sau đây viết tắt là Ngân hàng P) vay số tiền 280.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 06 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố + biên độ là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay là góp vốn kinh doanh. Khi vay, ông T và bà M có thể chấp nhà và đất tại thửa số 24, tờ bản đồ số 14 với diện tích 60,90m² tọa lạc tại Phường *, thành phố MC, tỉnh MC theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 718924 do UBND thành phố MC cấp cho ông T, bà M vào ngày 03/11/2006. Việc thế chấp có làm hợp đồng, được công chứng chứng thực và đã đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố MC.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà M đã thanh toán được số tiền lãi là 28.581.304 đồng thì ngưng cho đến nay. Hiện ông T, bà M còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 280.000.000đ và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 30/3/2021) là 1.048.420.372 đồng, trong đó lãi trong hạn là 30.589.999 đồng, lãi quá hạn là 737.830.373 đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà M trả số tiền nợ trên và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi ông T, bà M trả xong nợ. Đồng thời, yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ nêu trên.

Đối với việc ông Trần Hoàng X thỏa thuận mượn tài sản của ông T, bà M để thế chấp vay tiền thì Ngân hàng không biết, các bên khi thỏa thuận mượn tài sản không lập thành văn bản cũng không có giấy tờ gì chứng minh Ngân hàng đồng ý việc thỏa thuận mượn tài sản thế chấp để vay tiền. Mặc dù trong quá trình làm việc, ông X thay mặt vợ chồng ông T để làm việc với Ngân hàng nhưng Ngân hàng xác định ông X chỉ đại diện ký vào biên bản làm việc thay cho vợ chồng ông T nên Ngân hàng không đặt ra yêu cầu gì đối với ông X trong quan hệ hợp đồng tín dụng nêu trên. Đối với việc ông Toan, bà M xin giảm, miễn lãi và xin thời hạn 02 tháng để trả nợ, Ngân hàng không đồng ý mà yêu cầu ông T, bà M trả một lần xong số tiền nợ trên.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, ông Phan Thanh T (bị đơn) và anh Phan Toàn Q là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Tuyết M trình bày:

Việc ông T, bà M ký hợp đồng tín dụng vay tiền, thế chấp tài sản vào ngày 19/01/2012 và hiện còn nợ Ngân hàng số tiền 1.048.420.372 đồng là đúng, số tiền nợ trên là của ông Trần Hoàng X và ông X phải là người có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng bởi ông T, bà M chỉ cho ông X mượn tài sản để thế chấp và đứng ra ký hợp đồng vay tiền dùm cho ông X nhưng theo hướng dẫn của cán bộ Ngân hàng, ông X muốn được vay số tiền nhiều hơn thì ông T, bà M phải làm thủ tục góp vốn vào Công ty của ông X. Thực tế, ông T và bà M không có góp vốn để kinh doanh với ông X, cũng không có nhận tiền vay từ Ngân hàng và không hưởng lợi ích gì từ việc cho ông X mượn tài sản thế chấp để vay tiền, toàn bộ số tiền vay 280.000.000 đồng dùng để tất toán các khoản vay khác của ông X tại Ngân hàng cho nên khi thông báo nợ lãi, Ngân hàng chỉ thông báo và làm việc với ông X chứ không làm việc với ông T, bà M. Tuy nhiên, việc thỏa thuận cho mượn tài sản thế chấp để vay tiền giữa ông X với ông T, bà M không lập thành văn bản và khi vay tiền, ông T cùng bà M là người trực tiếp ký hợp đồng với Ngân hàng, nhưng việc thỏa thuận này giữa ông T, bà M cùng ông X với Ngân hàng cũng không lập thành văn bản.

Tại phiên tòa, ông T và người đại diện theo ủy quyền của bà M đồng ý trả số tiền nợ cho Ngân hàng nhưng xin Ngân hàng miễn, giảm lãi và cho thời hạn 02 tháng để trả nợ. Nếu sau thời hạn trên, ông T và bà M không trả được nợ thì đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý. Đối với việc ông X mượn tài sản để thế chấp và nhờ vay tiền dùm thì giữa ông T, bà M sẽ tự thỏa thuận thương lượng với ông X, không đặt ra yêu cầu ông X trong cùng vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 30/3/2021, Tòa án nhân dân thành phố MC, tỉnh MC quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P.

Buộc ông Phan Thanh T và bà Phan Thị Tuyết M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P các khoản tính đến ngày 30/3/2021 với tổng số tiền là 1.048.420.372 đồng, trong đó nợ gốc là 280.000.000 đồng, lãi trong hạn là 30.589.999 đồng, lãi quá hạn là 737.830.373 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả, về xử lý tài sản bảo đảm, quyền kháng cáo và án phí theo luật định.

Bản án nêu trên không bị kháng cáo, không có kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Ngày 29/9/2023, ông Phan Thanh T và bà Phan Thị Tuyết M có đơn khiếu nại Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên theo thủ tục tái thẩm.

Ngày 04/11/2024, Tòa án nhân dân tỉnh MC có Văn bản số 144/BC-TA, kiến nghị đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố MC, tỉnh MC.

Tại Quyết định kháng nghị số 65/2024/KN-DS ngày 29/11/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố MC, tỉnh MC.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về mối quan hệ tranh chấp:

Theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước thì Ngân hàng là tổ chức tín dụng và cho khách hàng vay là hình thức cấp tín dụng, thỏa thuận cho vay phải được lập thành văn bản. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng khi khách hàng vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.

Ngân hàng P cấp tín dụng thỏa thuận cho ông T, bà M vay tiền thông qua việc ký kết hợp đồng tín dụng với mục đích góp vốn kinh doanh, do ông T, bà M vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng cũng như phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo việc thi hành án. Như vậy, Ngân hàng là tổ chức tín dụng nên việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng phải dựa trên cơ sở pháp luật chuyên ngành là Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay*” là không đúng quy định của pháp luật, cần xác định lại mối quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ngày 19/01/2012, Ngân hàng P có ký Hợp đồng tín dụng số 048.12.029/2012/HĐTD-CN, cho vợ chồng ông Phan Văn Toàn, bà Phan Thị Tuyết M vay số tiền 280.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất cho bằng lãi suất tiết kiệm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở và nhà diện tích 60,90m², tọa lạc tại Khóm *, Phường *, thành phố

MC, tỉnh MC. Do ông T, bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 18/3/2013, Ngân hàng P đã khởi kiện ông T, bà M tại Tòa án nhân dân thành phố MC, tỉnh MC.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà M thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho Ngân hàng P số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Do các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, việc thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối, không trái pháp luật hay trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm nên Tòa án nhân dân thành phố MC ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 42/2013/QĐST- DS ngày 27/5/2013 với nội dung: *“ông T và bà M trả tiền vay cho Ngân hàng P 280.000.000 đồng, nợ lãi 61.012.881 đồng, tổng số tiền phải trả tính đến ngày 15/5/2013 là 341.012.881 đồng. Duy trì hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 048.12.029/2012/HĐ ngày 19/01/2012 để bảo đảm thanh toán nợ”* là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Tuy nhiên, đến ngày 26/10/2020, Ngân hàng P lại tiếp tục khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 048.12.029/2012/HĐTD-CN ngày 19/01/2012 với ông T, bà M tại Tòa án nhân dân thành phố MC. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 30/03/2021, Tòa án nhân dân thành phố MC xét xử: *Buộc ông T và bà M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng P 280.000.000 đồng nợ gốc, lãi trong hạn là 30.589.000 đồng, lãi quá hạn 737.830.373 đồng tính đến ngày 30/03/2021, tổng cộng là 1.048.420.372 đồng.*

[2.4] Tại Biên bản làm việc ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh MC, đại diện Ngân hàng P xác nhận: Do hồ sơ khởi kiện ông T, bà M vào năm 2013 Ngân hàng không nắm được và trên hệ thống Ngân hàng cũng không thể hiện, cán bộ phụ trách qua nhiều người nên đến năm 2020 Ngân hàng tiếp tục khởi kiện ông T, bà M lần hai về cùng một Hợp đồng tín dụng. Hiện nay, ông T và bà M đã thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng.

[2.5] Như vậy, Toà án nhân dân thành phố MC giải quyết cùng một khoản nợ vay ngày 19/01/2012, số tiền là 280.000.000 đồng của ông T, bà M với Ngân hàng P bằng 02 bản án, quyết định khác nhau, Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 30/03/2021 giải quyết vụ án khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 42/2013/QĐST-DS ngày 27/5/2013 đã có hiệu lực pháp luật là vi phạm điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà M. Do đó, cần hủy Bản án sơ thẩm nêu trên và đình chỉ giải quyết vụ án mới đúng pháp luật.

[2.6] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 30/03/2021 của Tòa án nhân dân thành phố MC, tỉnh MC đã tuyên ông T, bà M phải chịu

45.937.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; Trả lại cho Ngân hàng P tạm ứng án phí là 20.878.000 đồng. Theo Văn bản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MC về việc cung cấp thông tin thi hành án, số tiền tạm ứng án phí là 20.878.000 đồng đã được hoàn trả cho Ngân hàng P; ông T, bà M đã thi hành xong 45.937.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, do hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố MC, tỉnh MC và đình chỉ giải quyết vụ án nên số tiền án phí dân sự sơ thẩm này cần tuyên trả lại cho ông T, bà M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng nghị số 65/2024/KN-DS ngày 29/11/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố MC, tỉnh MC. Đình chỉ giải quyết vụ án.
3. Hoàn trả lại cho ông Phan Thanh T và bà Phan Thị Tuyết M số tiền 45.937.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MC.
4. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Đ/c Chánh án TANDCC (để báo cáo);
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh MC;
- TAND Tp. MC, tỉnh MC;
- Chi cục THADS thành phố MC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, GDKT2, HS, THS (TVH).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân